

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

VÕ PHÚC CHÂU

**TRUYỀN THUYẾT DÂN GIAN
VỀ NHỮNG CUỘC KHỞI NGHĨA CHỐNG PHÁP Ở NAM BỘ
(1858 – 1918)**

Chuyên ngành: **VĂN HỌC VIỆT NAM**
Mã số: **62 22 34 01**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

TP. HỒ CHÍ MINH - NĂM 2010

Công trình được hoàn thành tại
Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TSKH BÙI MẠNH NHỊ**

Phản biện 1: **GS.TS LÊ CHÍ QUẾ**

- Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG Hà Nội

Phản biện 2: **GS.TSKH PHAN ĐĂNG NHẬT**

- Viện Nghiên cứu Văn hóa

Phản biện 3: **PGS.TS PHAN THỊ YẾN TUYẾT**

- Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

- ĐHQG Tp Hồ Chí Minh

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước họp tại
Trường Đại học Sư phạm Tp Hồ Chí Minh
vào hồi 8 giờ 30 ngày 20 tháng 07 năm 2010

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện Trường Đại học Sư phạm
Tp Hồ Chí Minh

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài - mục đích nghiên cứu

Từ xa xưa, quần chúng nhân dân đã có cách nhìn riêng đối với con người và sự kiện lịch sử, thông qua truyền thuyết dân gian. Riêng ở Nam Bộ, truyền thuyết về những anh hùng kháng Pháp đã xuất hiện rải rác trong các tư liệu sưu tầm văn học dân gian, tư liệu lịch sử, từ ký ức người dân... Chúng báo hiệu mở rộng truyền thuyết dân gian phong phú, phức tạp nhưng chưa được tập hợp, nghiên cứu đầy đủ.

Khảo sát vấn đề này, chúng tôi nhằm góp phần vào việc sưu tầm, biên soạn, hệ thống hóa truyền thuyết về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ, giai đoạn 1858 - 1918; đồng thời hy vọng thấy được phần nào đặc điểm của thể loại truyền thuyết trong thời cận đại, phát hiện màu sắc địa phương, tính thống nhất và đa dạng của tác phẩm truyền thuyết dân gian Nam Bộ so với truyền thuyết các vùng miền trong cả nước. Mặt khác, kết quả sưu tầm và khảo sát cũng giúp ích cho việc nghiên cứu và giảng dạy lịch sử, văn học dân gian nói chung và văn học địa phương nói riêng.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Luận án đã sơ lược điếm lại các công trình nghiên cứu, bài báo về thể loại truyền thuyết: gồm những bài viết đi sâu khai thác quá trình hình thành và vận động của thể loại truyền thuyết trong đời sống văn học; các tư liệu về lịch sử, tư liệu sưu tầm truyền thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ.

Từ các công trình này, có thể thấy:

- Cho đến nay, tuy đã làm rõ đặc trưng thể loại nhưng chưa có bài viết, công trình nghiên cứu nào đề cập, lý giải sự phai mờ của yếu tố kỳ ảo, hoang đường trong truyền thuyết miền; hoặc chưa lý giải đầy đủ sự đan xen giữa truyền thuyết và giai thoại; giữa truyền thuyết lịch sử và chuyện kể lịch sử.

- Các công trình sưu tầm truyền thuyết, truyện dân gian Việt Nam hầu hết chỉ tập hợp những câu chuyện xảy ra trước 1858. Do vậy, thiếu vắng những truyền thuyết về anh hùng buổi đầu chống Pháp.

- Các công trình sưu tầm truyện dân gian Nam Bộ công bố khá nhiều chuyện kể về các anh hùng buổi đầu chống Pháp ở Nam Bộ. Tuy nhiên, hầu hết chưa được phân định rạch ròi về thể loại, thường chỉ được gọi là chuyện xưa (cổ sự), truyện dân gian hay giai thoại.

- Một số công trình sưu tầm, biên khảo truyện dân gian Nam Bộ được thực hiện bởi một cá nhân, tại các nhà xuất bản địa phương nên không ít văn bản thiên về phong cách ngôn ngữ viết; nhiều lỗi chính tả, cú pháp, cần được điều chỉnh cho sáng rõ và gần “chất dân gian” hơn.

- Một số công trình biên khảo, do không chủ định công bố tác phẩm truyền thuyết nên không được kể theo phương thức tự sự dân gian. Đây là tư liệu nguồn, giúp biên soạn thành truyền thuyết dân gian.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Chúng tôi tự giới hạn đối tượng nghiên cứu là truyền thuyết về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở đất Gia Định xưa, sau được gọi là Nam Kỳ lục tỉnh, giờ là các tỉnh thành Nam Bộ - trải dài từ lưu vực sông Đồng Nai đến hạ lưu của chín nhánh sông Cửu Long. Còn giới hạn thời gian, chọn giai đoạn từ 1858 đến 1918, chúng tôi dựa vào mốc khảo sát của một số nhà nghiên cứu sử học để tìm bản chất của đối tượng, tính chân thật của sự kiện, đồng thời phù hợp với nguồn tư liệu đã sưu tầm, biên soạn được.

4. Mục tiêu nghiên cứu

4.1. Bước đầu sưu tầm, biên soạn, hệ thống hóa những truyền thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ (1858 – 1918) (xin được gọi tắt những truyền thuyết này là Hệ thống truyền thuyết dân gian).

4.2. Khảo sát nội dung hệ thống truyền thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ (1858 – 1918).

4.3. Giới thiệu những motif tiêu biểu cho diện mạo của truyền thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ (1858 – 1918).

4.4. Khảo sát một số nhóm chứng tích văn hóa liên quan đến truyền thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ (1858 – 1918).

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp luận nghiên cứu văn học dân gian kết hợp với những phương pháp của khoa nghiên cứu văn học và phương pháp nghiên cứu liên ngành. Cụ thể: phương pháp loại hình lịch sử; phương pháp phân loại, hệ thống hóa; phương pháp thống kê, miêu tả; phương pháp phân tích, so sánh; phương pháp sưu tầm và thẩm định tư liệu...

6. Đóng góp mới của Luận án

6.1. Giới thiệu tổng quan những công trình sưu tầm, nghiên cứu văn học dân gian có đề cập thể loại truyền thuyết, đặc biệt là truyền thuyết dân gian thời chống Pháp ở Nam Bộ (1858 – 1918).

6.2. Sưu tầm, biên soạn, hệ thống hóa những truyền thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ (1858 – 1918).

6.3. Phân tích nội dung, sức hấp dẫn đặc biệt của truyền thuyết dân gian buổi đầu chống Pháp ở Nam Bộ; đồng thời chỉ ra phần bổ sung quý báu của nó đối với những khiếm khuyết, hạn chế của chính sử triều Nguyễn bấy giờ.

6.4. Giới thiệu một số motif, nhóm motif đặc sắc trong những truyền thuyết dân gian đã được hệ thống hóa. Qua đó, phát hiện sự kế thừa và sáng tạo trong các truyền thuyết muông; bước đầu thấy được sự vận động và những biến đổi của bản thân thể loại.

6.5. Giới thiệu một số chứng tích văn hóa liên quan đến truyền thuyết về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ để làm sáng tỏ thêm đời sống tâm linh của đồng

bào Nam Bộ, đồng thời khẳng định vai trò đặc biệt của truyền thuyết dân gian trong suốt tiến trình giữ nước của dân tộc Việt Nam.

7. Kết cấu Luận án

Luận án được chia thành các phần mục như sau:

Mở đầu (14 trang)

Chương 1: Hệ thống hóa truyền thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ (1858 – 1918) (21 trang)

Chương 2: Khảo sát các nhóm truyền thuyết trong hệ thống truyền thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ (1858 – 1918) (33 trang)

Chương 3: Khảo sát những motif, nhóm motif phổ biến trong hệ thống truyền thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ (1858 – 1918) (63 trang)

Chương 4: Khảo sát một số chứng tích văn hóa liên quan đến truyền thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ (1858 – 1918) (23 trang)

Kết luận và Định hướng nghiên cứu mới (4 trang)

Ngoài ra, Luận án còn có Danh mục 241 tài liệu tham khảo và Phụ lục, bao gồm 4 phần: Văn bản tác phẩm truyền thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ (1858 – 1918); Một số văn bản tồn nghi; Các bảng thống kê; Một số hình ảnh chứng tích văn hóa.

CHƯƠNG 1

HỆ THỐNG HÓA TRUYỀN THUYẾT DÂN GIAN VỀ NHỮNG CUỘC KHỞI NGHĨA CHỐNG PHÁP Ở NAM BỘ (1858 – 1918)

1. Tiêu chí xác định văn bản truyền thuyết dân gian

1.1. Khái niệm “truyền thuyết”

Từ nội hàm khái niệm, luận án nêu 4 tiêu chí quan trọng dùng xác định một văn bản nào đó là truyền thuyết dân gian: *văn bản là một tự sự dân gian; văn bản có nội dung phản ánh một cách đặc thù con người và sự kiện lịch sử trong quá khứ; văn bản thường sử dụng yếu tố hư cấu, tưởng tượng; văn bản được đón nhận bằng niềm tin, sự yêu thích của cả cộng đồng.*

1.2. Phân biệt truyền thuyết dân gian với giai thoại

Theo chúng tôi, hai tiêu chí phân biệt có tính quyết định chính là *Cách thức miêu tả nhân vật, sự kiện* và *Thái độ tiếp nhận tác phẩm*. Nếu giai thoại lịch sử tìm cách vén bức màn bí ẩn, kéo những nhân vật vốn nổi tiếng, quyền uy xuống gần với đời thường (sự giải thiêng) thì truyền thuyết lại tìm cách phủ thêm màn sương huyền ảo, nâng những con người bình thường lên ngưỡng thiêng liêng, bất tử (sự thiêng hóa). Nếu giai thoại lịch sử chỉ được người nghe (đọc) đón nhận bằng cảm giác lý thú, có

quyền tin hoặc không tin, thì trái lại, truyền thuyết luôn được đón nhận bằng một niềm tin.

2. Hệ thống hóa truyền thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ (1858 – 1918)

2.1. Quá trình sưu tầm, biên soạn

2.1.1. Định hướng tiêu chí sưu tầm, biên soạn

Chúng tôi đề ra 3 tiêu chí xét chọn văn bản truyền thuyết:

- Văn bản phải là những tự sự dân gian (tự sự + chất “dân gian”).
- Văn bản phải kể về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp (nội dung), diễn ra ở Nam Bộ (không gian), giai đoạn từ 1858 đến 1918 (thời gian).
- Văn bản phải đúng thể loại truyền thuyết.

2.1.2. Định hướng nguồn sưu tầm, biên soạn

Chúng tôi dựa theo hai nguồn tư liệu: tư liệu điền dã và tư liệu ghi chép trong sách vở.

2.1.3. **Kết quả sưu tầm, biên soạn**: có 101 truyền thuyết dân gian đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đề ra.

2.2. Hệ thống hóa truyền thuyết dân gian

2.2.1. Định hướng hệ thống hóa truyền thuyết dân gian

2.2.1.1. Đơn vị nhỏ nhất của hệ thống là **tác phẩm**. Những tác phẩm cùng đặc điểm về nội dung sẽ được kết thành một **mảng truyện**. Những mảng truyện cùng liên quan đến một cuộc khởi nghĩa lớn (hoặc một khu vực khởi nghĩa) sẽ được kết thành một **nhóm truyện**. Những nhóm truyện này sẽ hợp thành **hệ thống**.

2.2.1.2. Mỗi nhóm truyện phải theo hướng phản ánh một cuộc khởi nghĩa lớn, trong đó bao gồm nhiều mảng truyện (về lãnh tụ khởi nghĩa; về các tướng lĩnh; về những nhân vật và sự kiện có liên quan đến cuộc khởi nghĩa).

2.2.1.3. Do mỗi tác phẩm, mỗi mảng truyện, nhóm truyện trong Hệ thống truyền thuyết đều là dữ liệu khảo sát trong suốt luận án nên mỗi đơn vị tác phẩm được gắn cố định với một ký hiệu số hóa.

2.2.2. Tình hình Hệ thống hóa truyền thuyết dân gian

Trong luận án, chúng tôi dùng *nội dung lịch sử* làm tiêu chí phân nhóm cho các truyền thuyết lịch sử. Mỗi nhóm trong hệ thống ứng với một cuộc khởi nghĩa lớn ở Nam Bộ (giới hạn từ 1858 đến 1918). Trường hợp những truyền thuyết phản ánh các cuộc khởi nghĩa nhỏ lẻ, chúng tôi gom thành một nhóm.

2.2.3. Kết quả Hệ thống hóa Truyền thuyết dân gian

Hệ thống truyền thuyết dân gian bao gồm 101 truyền thuyết, được phân thành 6 nhóm:

- Nhóm truyền thuyết về cuộc khởi nghĩa của Trương Định (16 truyện)
- Nhóm truyền thuyết về cuộc khởi nghĩa của Thiên Hộ Dương (28 truyện)
- Nhóm truyền thuyết về cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Trung Trực (13 truyện)

- Nhóm truyền thuyết về cuộc khởi nghĩa của Thủ Khoa Huân (5 truyện)
- Nhóm truyền thuyết về cuộc khởi nghĩa vùng Thất Sơn (9 truyện)
- Nhóm truyền thuyết về những cuộc khởi nghĩa khác (30 truyện)

3. Nhân xét chung:

Từ Hệ thống truyền thuyết dân gian, chúng tôi nhận thấy:

- Truyền thuyết vẫn còn tiếp tục hình thành và phát triển ở giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX, đặc biệt trên mảnh đất phương Nam. Song hành với chính sử, truyền thuyết dân gian Nam Bộ trực tiếp vẽ nên những tính cách riêng, phẩm chất mới của con người Nam Bộ.

- Truyền thuyết là một thể loại mang tính phong phú và có hệ thống. Ở đó, con người và sự kiện lịch sử luôn là đầu mối, giúp đan kết các văn bản truyền thuyết thành từng nhóm, mảng truyện.

- Ở những câu chuyện đậm phần hư cấu, truyền thuyết đúng là tác phẩm nghệ thuật hấp dẫn, đầy “chất thơ và mộng”. Còn ở những câu chuyện hầu như chỉ có “cái lõi sự thật lịch sử”, truyền thuyết lại chứng tỏ nó là một phần của văn hóa dân gian, liên quan đặc biệt với tín ngưỡng thờ cúng và lễ hội.

- Với tính chất mở, các nhóm, mảng truyện trong hệ thống có khả năng thu nhận bất cứ truyền thuyết nào (thỏa điều kiện) được tiếp tục sưu tầm, phát hiện. Hệ thống trở nên có ích và cần thiết cho kế hoạch sưu tầm, hệ thống hóa kho tàng truyền thuyết dân gian Việt Nam.

CHƯƠNG 2

KHẢO SÁT CÁC NHÓM TRUYỀN THUYẾT TRONG HỆ THỐNG TRUYỀN THUYẾT DÂN GIAN VỀ NHỮNG CUỘC KHỞI NGHĨA CHỐNG PHÁP Ở NAM BỘ (1858 – 1918)

1. Nhóm truyền thuyết về cuộc khởi nghĩa của Trương Định

1.1. Truyện về Trương Định

Hiện chúng tôi chỉ tìm được 1 truyền thuyết. Qua truyền thuyết này, Trương Định hiện lên thật rõ nét ở giờ phút cuối. Ông đã sống và ngã xuống thật cao đẹp trong vòng tay thương quý của nhân dân.

1.2. Các truyện về nhân vật, sự kiện liên quan đến cuộc khởi nghĩa của Trương Định

Mảng truyện có số lượng khá phong phú (15/101 truyện).

Trước hết là hình tượng phó tướng Bình Tây Nguyễn Nhựt Chi và Trịnh Viết Bàng. Tiếp theo sau là hàng loạt cận tướng của Trương Định (Trương Điền, Trần Văn Thiện, Võ Đăng Đước, Mạc Bảo Đường...). Các truyện đều khép lại bằng giọng điệu *cảm thương người dũng liệt*. Ngoài ra còn có những trang liệt nữ (bà Trần Thị Sanh, bà Lưu, nàng Hai Bến Nghé). Không trực tiếp cầm gươm, nhưng họ có cơ mưu, có tài huy động nguồn lực vật chất giúp cuộc khởi nghĩa vững vàng trong gió bão.

2. Nhóm truyền thuyết về cuộc khởi nghĩa của Thiên Hộ Dương

2.1. Các truyền về Thiên Hộ Dương

Có 7 truyền thuyết về Thiên Hộ Dương. Trong chính sử, Thiên Hộ Dương bị triều đình gọi là giặc, thực dân Pháp xem là kẻ phiến loạn. Nhưng trong truyền thuyết, ông lại là vị anh hùng có cuộc đời phong phú, chiến công lừng lẫy, in đậm cốt cách, tâm hồn, bản lĩnh người nông dân Nam Bộ buổi vùng lên đánh giặc.

2.2. Các truyền về tướng lĩnh của Thiên Hộ Dương

Mảng truyện có 7 truyền thuyết. Tác phẩm chủ yếu khai thác phần hậu của cuộc khởi nghĩa. Nhân vật trung tâm là những tướng lĩnh dưới quyền ngài Thiên Hộ mà chính sử không hề ghi nhận (Phòng Biểu, Đốc Binh Kiều, Tứ Kiệt, Nguyễn Văn Cẩn...). Truyện không nặng nề sự kiện lịch sử; phần lớn kết thúc có hậu, như một cách xoa dịu phần nào nỗi đau, lòng uất hận của các anh hùng ứng nghĩa.

2.3. Các truyền về nhân vật và sự kiện liên quan đến cuộc khởi nghĩa Thiên Hộ Dương

Mảng truyện có 14 truyền thuyết, kể về những anh hùng mộ nghĩa (ông Nghè, Trương Tấn Minh...); ghi công những con vật, đồ dùng hỗ trợ đắc lực cho cuộc khởi nghĩa (rắn độc, trâu rừng, chiếc còi sừng trâu, chiếc nóp chống muỗi...). Mảng truyện góp phần minh chứng, một khi phong trào khởi nghĩa đã thuộc về nhân dân thì mỗi bước đi của lãnh tụ; mỗi đóng góp, hy sinh thầm lặng của từng con người... đều được nhân dân khắc ghi, lưu giữ trong truyền thuyết.

3. Nhóm truyền thuyết về Nguyễn Trung Trực

3.1. Các truyền về Nguyễn Trung Trực

Có 6 truyền thuyết, được sưu tầm, biên soạn từ nhiều nguồn tư liệu. Các truyện tập trung khắc họa hình tượng anh hùng Nguyễn Trung Trực: tài ba, lập nhiều chiến công; hiếu thảo với mẹ, trọn tình vẹn nghĩa với nhân dân. Truyền thuyết còn tái hiện kỳ ảo chuyện đầu rơi của vị anh hùng. Đối với nhân dân, anh hùng Nguyễn Trung Trực đã thực sự hiển linh, hóa thân ngay thời khắc hy sinh lẫm liệt. Nhìn chung, theo Bùi Mạnh Nhị: *“So với chính sử thì Nguyễn Trung Trực trong truyền thuyết dân gian sống động hơn rất nhiều”*.

3.2. Các truyền về nhân vật, sự kiện liên quan đến cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Trung Trực

Mảng truyện gồm 7 tác phẩm. Có hai truyền về nhân vật (Lâm Quang Ky, Bà Điều – Bà Đò). Các truyền còn lại kể về chiến công của nghĩa quân Nguyễn Trung Trực. Qua mảng truyện này, nhân dân đã làm thay chính sử, đề cao những tấm gương trung thành, dũng liệt, ngợi ca tinh thần đánh giặc kiên trì, dũng cảm, sáng tạo của người dân vùng sông nước phương Nam.

4. Nhóm truyền thuyết về cuộc khởi nghĩa của Thủ Khoa Huân

Nhóm truyện chỉ gồm 5 truyền thuyết nên tạm chưa phân thành nhiều mảng truyện.

Trong 2 truyện về Thủ Khoa Huân, thời gian, không gian, sự kiện xem như trùng khớp chính sử. Tuy nhiên, có những tình tiết lạ, dấu còn ít ỏi, nhưng đã góp vào chất “thơ và mộng” cho đoạn cuối đầy bi tráng của vị anh hùng.

Các truyện còn lại kể về những anh hùng quân chúng (Sáu Hải – tướng cướp hoàn lương; Lê Huy Nhạc – thầy răn kỳ tài; ông Đồ Phú Kiệt – người thầy kết giao với nhiều anh hùng kháng Pháp)... So với truyện về Thủ Khoa Huân, các truyện này đậm đà chất dân gian hơn. Nhân vật thường xuất thân không rõ, hành tung kỳ lạ, chiến tích khác thường... Họ chính là đại diện cho mọi thành phần nhân dân, cùng tề tựu dưới ngọn cờ khởi nghĩa của Thủ Khoa Huân.

5. Nhóm truyện thuyết về những cuộc khởi nghĩa vùng Thất Sơn

Nhóm truyện gồm 4 truyện thuyết về cuộc khởi nghĩa của Đức Cố Quản Trần Văn Thành (Bửu Sơn Kỳ Hương), 5 truyện thuyết về cuộc khởi nghĩa của Bồn Sư Ngô Lợi (Tứ Ân Hiếu Nghĩa).

Trong các truyện, thời gian thiên về cụ thể, chính xác. Không gian có hai nét riêng đặc sắc: *đất thiêng* và *đất hiểm*. Khác sử học và xã hội học, truyền thuyết dân gian về hai hệ phái này tập trung khắc họa con người và sự kiện lịch sử.

Cuộc khởi nghĩa của Đức Cố Quản tuy chưa kịp ghi chiến tích nhưng đã dật được nhiều kỳ tích. Những phương cách mộ dân, lập ấp, thu hút nhân tâm bằng thực lực lẫn bùa chú; vừa tu hành vừa đánh giặc, vừa sản xuất vừa rèn vũ khí... là những nét độc đáo trong truyền thuyết về cuộc khởi nghĩa này.

Xuất hiện sau Bửu Sơn Kỳ Hương, hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa của nhà yêu nước Năm Thiếp (Bồn sư Ngô Lợi) tuy chưa thắng Pháp bằng bạo lực, nhưng đã thắng chúng bằng sự đoàn kết, thái độ bất hợp tác và lòng căm thù không đội trời chung. Chuyện ông Đạo Lập, ông Cử Đa, nhân vật tuy cốt cách tu tiên nhưng tâm luôn nhập thế cứu đời. Nhiều tình tiết huyền hoặc nhằm khắc họa kiểu nhân vật chống Pháp bằng sức mạnh của tâm linh, tín ngưỡng.

Có thể nói, nhờ truyền thuyết dân gian, đời sau mới biết tại đất Nam Bộ này đã từng có những con người tu hành, nguyện không sát sanh nhưng lại sẵn lòng rèn gươm giết giặc.

6. Nhóm truyện thuyết về những cuộc khởi nghĩa khác

6.1. Các truyện ở miền Đông Nam Bộ

Mảng truyện bao gồm 20 truyện thuyết, kể về các cuộc khởi nghĩa đơn lẻ, thời gian kéo dài từ 1858 đến 1918. Mốc thời gian trong truyện nhất quán với tư liệu sử học. Không gian gắn liền một sự tích, một anh hùng ứng nghĩa. Sài Gòn - Gia Định có Lãnh Binh Thăng, Hồ Huân Nghiệp, Phan Văn Đạt, Phan Xích Long... Vùng Hóc Môn – Bà Điểm có Phan Công Hón, Nguyễn Văn Quá, Nguyễn Ảnh Thủ... Cần Giuộc – Long An có đốc binh Bùi Quang Diệu, Mai Văn Thuận, Đỗ Tường Phong – Đỗ Tường Tự. Cai Lậy có Phủ Cậu và lãnh binh Trần Văn Từ. Mỹ Tho có lãnh binh Huỳnh Khắc Hôn, Âu Dương Lân. Cao Lãnh (Đồng Tháp) có Thống Linh... Không gian cụ thể ấy

khiến dấu ấn của truyền thuyết phương Nam càng sâu đậm. Trong mảng truyện, các anh hùng chống Pháp và cuộc khởi nghĩa của họ có nhiều tình tiết sống động mà sử liệu hầu như tước bỏ.

6.2. Các truyện ở miền Tây Nam Bộ

Mảng truyện gồm 10 tác phẩm. Thời gian trong truyện gắn liền với chặng đường âm đạm của buổi đầu chống Pháp. Về không gian, do thiên về sự kiện nên thiếu vắng cảnh sắc đa dạng của đất phương Nam. Nhân vật trung tâm là những anh hùng cầm vũ khí (Phan Liêm – Phan Tôn, đốc binh Lê Cần - Nguyễn Giao, chánh lãnh binh Nguyễn Hương...). Những cuộc khởi nghĩa của họ đều mang tính đơn lẻ, kháng cự hơn là quyết khởi, vì vậy, đó chỉ là nỗ lực cuối cùng của trang hào kiệt không còn thời vận.

7. Nhận xét chung về các nhóm truyền thuyết

7.1. Kho tàng văn học dân gian Nam Bộ có sự dự phần đáng kể của thể loại truyền thuyết dân gian. Có 101 tác phẩm kể về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ (1858 – 1918).

7.2. Hệ thống truyền thuyết dân gian được phân thành 6 nhóm truyện. Ở mỗi nhóm truyện, số lượng tác phẩm phản ánh mức độ gắn bó giữa nhân dân và người anh hùng trong quá trình khởi nghĩa.

7.3. Trong mỗi nhóm truyện, các anh hùng kháng Pháp (lãnh tụ và bộ tướng) được khắc họa thành những hình tượng nghệ thuật sinh động và rõ nét. Đồng thời, tính chất, qui mô từng cuộc khởi nghĩa cũng được tái hiện và đánh giá theo quan điểm của nhân dân. Nhiều anh hùng đánh Pháp chưa từng được chính sử ghi nhận hoặc chưa được đánh giá đúng mức nhưng lại được truyền thuyết ngợi ca (Thiên Hộ Dương, Nguyễn Trung Trực, Ông Phòng Biểu, Tứ Kiệt, Phan Công Hón, Trần Văn Thành, Bồn sư Ngô Lợi, Nguyễn Hương). Nó minh chứng cho sức sống và sự tồn tại độc lập của thể loại truyền thuyết so với chính sử.

7.4. Trong hệ thống truyền thuyết dân gian, các tác phẩm đều thấm đượm tinh thần dân tộc, ca ngợi lòng yêu nước nồng nàn, sự thông minh, sáng tạo của người dân Nam Bộ trong quá trình kháng chiến chống thực dân xâm lược. So với chính sử, truyền thuyết toát lên vẻ đẹp hồn nhiên và có sức hấp dẫn đặc biệt.

7.5. Trong hệ thống truyền thuyết dân gian, nhiều tác phẩm có cốt truyện hấp dẫn; tình tiết đặc sắc; nhân vật được khắc họa tính cách rõ nét. Tuy nhiên, vẫn còn không ít tác phẩm có cốt truyện còn sơ lược; tình tiết đơn giản; nặng về thông tin, số liệu; thiếu hẳn chất “thơ và mộng”. Theo chúng tôi, đây là biểu hiện của một bộ phận truyền thuyết chưa đủ độ dài thời gian và điều kiện để bồi lắng và kết tụ nhưng lại chịu ảnh hưởng ít nhiều lối ghi chép của sử biên niên.

CHƯƠNG 3
KHẢO SÁT MOTIF VÀ NHÓM MOTIF PHỔ BIẾN
TRONG HỆ THỐNG TRUYỀN THUYẾT DÂN GIAN
VỀ NHỮNG CUỘC KHỞI NGHĨA CHỐNG PHÁP
Ở NAM BỘ (1858 – 1918)

1. Lý thuyết về motif

Trong nghiên cứu folklore nói chung, truyền thuyết nói riêng, việc đánh giá một tình tiết trong truyền thuyết là bình thường hay khác lạ, cần phải xuất phát từ quan điểm lịch sử. Và tần số lặp lại rất cao của một tình tiết nào đó (qua nhiều tác phẩm) cần được coi là cơ sở quan trọng nhất để kết luận nó là motif tình tiết. Mặt khác, do truyền thuyết còn được xem là tác phẩm văn hóa nên những tình tiết lặp đi lặp lại trong truyền thuyết cũng phải được xem là một thứ mã văn hóa. Nhiệm vụ của người nghiên cứu truyền thuyết là phải tìm cách giải mã những tín hiệu lặp đi lặp lại đó.

2. Nhận diện motif và nhóm motif trong Hệ thống truyền thuyết dân gian

2.1. Định hướng khảo sát

Các bước phát hiện motif trong Hệ thống truyền thuyết dân gian: *Chọn tác phẩm dùng khảo sát → Ghi nhận và đặt tên cho những tình tiết được khảo sát → Lập bảng khảo sát tần số xuất hiện của các tình tiết → Lập bảng tổng hợp kết quả → Nhận diện các motif tình tiết.*

Các bước xây dựng nhóm motif trong Hệ thống truyền thuyết dân gian: *Xâu chuỗi những motif cùng xuất hiện trong một truyền thuyết → Kết thành nhóm motif → Nhận diện motif trung tâm → Đặt tên cho từng nhóm motif.*

Dưới đây là 6 chuỗi liên kết motif tình tiết (6 nhóm) được chúng tôi phát hiện trong Hệ thống truyền thuyết dân gian:

Nhóm 1: Ngoại hình khác lạ → Biệt tài → Thử tài (trong đó motif Biệt tài là trung tâm).

Nhóm 2: Được giúp sức → Lập mưu, lừa giặc → Sáng tạo vũ khí → Thắng trận (trong đó motif Lập mưu, lừa giặc là trung tâm).

Nhóm 3: Bất ngờ rủi ro → Phiêu bạt nơi đâu (Cố thủ, tử trận/ Tuẫn tiết) (trong đó motif Bất ngờ rủi ro là trung tâm).

Nhóm 4: Kẻ thù dụ hàng → Khước từ bổng lộc → Nguyên rửa kẻ thù (trong đó motif Kẻ thù dụ hàng là trung tâm).

Nhóm 5: Người dân nhận hung tin → Nhân vật được tế sống → Lời nói cuối cùng của nhân vật (Làm thơ tuyệt mạng) → Nhân vật bị hành quyết → Dao phủ khiếp sợ → Sự lạ khi đầu rơi → Thách thức kẻ thù (trong đó motif Nhân vật bị hành quyết là trung tâm).

Nhóm 6: Nhân vật được tìm giữ thi hài → Nhân vật được chôn cất → Nhân vật được cúng giỗ → Nhân vật được thờ trong miếu, đền chùa → Đời sau nhắc

nhở → Đất linh, mộ thiêng → Hiện linh, báo mộng (trong đó motif Nhân vật được chôn cất là trung tâm).

□ Nhận xét chung: Trình tự liên kết motif trong mỗi chuỗi phản ánh một dạng cốt truyện trong Hệ thống truyền thuyết dân gian. Đây là định hướng, giúp chúng tôi lý giải tốt hơn cơ sở văn hóa – xã hội cũng như vai trò, ý nghĩa của những motif đặc sắc trong Hệ thống truyền thuyết dân gian.

2.2. Nhóm motif về nhân vật có biệt tài

2.2.1. Motif Ngoại hình khác lạ: từng xuất hiện trong truyền thuyết dân gian giai đoạn trước. Nét dị tướng, theo quan niệm dân gian, được xem như tín hiệu phát lộ kỳ tài. Người có ngoại hình đặc biệt thì cuộc đời, sự nghiệp cũng đặc biệt. Nhiều anh hùng chống Pháp đã có ngoại hình và sự nghiệp khác thường như vậy.

2.2.2. Motif Biệt tài: phổ biến trong kiểu truyện cổ tích về nhân vật tài giỏi, xuất hiện trong một số truyền thuyết giai đoạn trước. Ở đây, nhân vật có biệt tài cũng chính là những anh hùng chống Pháp. Biệt tài của họ gắn liền với phẩm chất của những con người phi thường ngay trong cuộc đời thường.

2.2.3. Motif Thử tài: thường gặp trong cổ tích thần kỳ và một số truyền thuyết giai đoạn trước. Trong truyền thuyết dân gian Nam Bộ, motif này góp phần tô đậm thêm vẻ đẹp hình tượng người anh hùng chống Pháp. Qua đó khẳng định niềm tin tuyệt đối của nhân dân vào tài năng thật sự của các anh hùng.

2.3. Nhóm motif về nhân vật lập mưu, lừa giặc

2.3.1. Motif Được giúp sức: motif này khá phổ biến trong Hệ thống truyền thuyết dân gian. Motif cho thấy, chính biệt tài và lý tưởng cao đẹp của các anh hùng là sức mạnh thu hút, tập hợp bao trí tuệ, tài năng lớn; thậm chí, cảm hóa nổi những kẻ vốn sa vào tội ác, trả người tài về với nhân dân.

2.3.2. Motif Lập mưu, lừa giặc: từng xuất hiện trong một số truyền thuyết giai đoạn trước. Trong chiến đấu, nhiều anh hùng kháng Pháp biết dựa vào điều kiện tự nhiên, môi trường sống đa dạng của sông ngòi, đồng ruộng phương Nam để bày thế trận, chống trả kẻ thù xâm lược. Họ thật sự là những anh hùng của đất phương Nam.

2.3.3. Motif Sáng tạo vũ khí: không sánh được bằng vũ lực, nhưng người dân Nam Bộ thắng ngoại xâm bằng sức mạnh tinh thần. Họ tự hào về những người con ưu tú biết tìm ra vũ khí, nguồn sức mạnh từ cuộc sống hàng ngày.

2.3.4. Motif Thắng trận: về kiểu nhân vật lập chiến công, cả thần thoại, cổ tích thần kỳ lẫn truyền thuyết đều khai thác. Tuy nhiên, theo chúng tôi, chỉ truyền thuyết lịch sử mới có motif đặc thù: motif Thắng trận. Liên quan đến motif này, trong truyền thuyết dân gian Nam bộ, phải kể đến tình tiết đặc sắc: trừng trị Việt gian.

2.4. Nhóm motif về nhân vật bất ngờ gặp rủi ro

2.4.1. Motif Bất ngờ rủi ro: trong truyền thuyết lịch sử đời trước, hầu hết nhân vật anh hùng đều có lực lượng thần kỳ phù trợ sau lưng. Thế nhưng, đến truyền thuyết

dân gian Nam Bộ (1858 – 1918), thay vào đó là tình tiết bất ngờ rủi ro, ngay khi người anh hùng trên đà thắng thế. Motif mang ý nghĩa như lời bào chữa cho thất bại, như một điềm báo về kết cuộc ảm đạm của những anh hùng yêu nước.

2.4.2. Motif Phiêu bạt nơi đâu: đây là cách kết truyện khá lạ của truyền thuyết dân gian Nam Bộ, như thể hiện nỗi day dứt, niềm ân hận không nguôi của nhân dân đối với những anh hùng liệt nữ đã xả thân vì nước.

2.5. Nhóm motif về nhân vật bị kẻ thù dụ hàng

2.5.1. Motif Kẻ thù dụ hàng và motif Khuờc từ bổng lộc: cùng làm bật bản chất nham hiểm của kẻ thù đồng thời củng cố thêm niềm tin của nhân dân vào những anh hùng chống Pháp. Họ mãi là những người con trung hiếu của nhân dân.

2.5.2. Motif Nguyễn rửa kẻ thù: motif góp phần khắc họa sự hy sinh liêm liệt của người anh hùng kháng Pháp. Nguyễn rửa kẻ thù, đó là tiếng gọi đàn của người anh hùng bất tử, cũng là tiếng nói hờn căm của muôn người đang sống.

2.6. Nhóm motif về nhân vật bi hành quyết

2.6.1. Motif Người dân nhận hung tin: motif mang ý nghĩa báo hiệu giờ phút cuối của người anh hùng. Phải chăng, đây là cách mà nhân dân muốn trực tiếp bày tỏ lòng biết ơn, sự kính trọng, nỗi thương tiếc đối với sự nghiệp, công đức người anh hùng.

2.6.2. Motif Lời nói cuối cùng của nhân vật: trong truyền thuyết dân gian Nam bộ, lời nói cuối cùng của nhân vật luôn hướng đến cơ đồ dân tộc, vận mệnh non sông. Nội dung lời nói cuối, vì thế, thuộc về cái lỗi lịch sử. Nó dự phần vào cái thiêng của truyền thuyết dân gian.

2.6.3. Motif Nhân vật bi hành quyết: motif này phản ánh chân thực thời kỳ đau thương, khổ nhục của đồng bào Nam Bộ buổi đầu chống Pháp. Motif chứng tỏ yêu cầu khát khe của thể loại: dù trí tưởng tượng bay bổng thế nào, người kể truyền thuyết cũng không được quyền đảo ngược sự thật lịch sử. Nhân dân, dù yêu thương, bảo vệ người anh hùng đến mức nào, cũng không thể giúp họ trường sinh, không thể cho họ thêm mạng sống.

2.6.4. Motif Đao phủ khiếp sợ: đây là tình tiết đặc sắc trong truyền thuyết thời kháng Pháp. Tái hiện cảnh tượng run sợ của bọn tay sai, của quân đồ tể, phải chăng đó là thủ pháp tương phản nhằm bật lên phong thái uy nghi, liêm liệt của người anh hùng trước giờ hành quyết.

2.6.5. Motif Sự lạ khi đầu rơi: Truyền thuyết tập trung ảo hóa chuyện đầu rơi của các anh hùng, như một cách thể hiện niềm tin và ước nguyện cháy lòng của toàn thể nhân dân: thủ cấp người anh hùng không bao giờ như nhục, khí phách bậc anh hùng không chút giảm suy, tinh thần đánh giặc của đấng anh hùng không bao giờ ngưng nghỉ. Bằng motif này, truyền thuyết dân gian Nam Bộ đã nâng những con người bình thường lên ngưỡng thiêng liêng, bất tử.

2.7. Nhóm motif về nhân vật được chôn cất

2.7.1. Motif Nhân vật được tìm giữ thi hài: tái hiện một quá khứ đầy bi phần mà kiên cường của những anh hùng thất thế trên quê hương Nam Bộ. Kẻ thù muốn si nhục người anh hùng, khủng bố tinh thần quần chúng nhân dân. Thế nhưng, càng cố công; chúng càng thất bại. Nhân dân tự dặn lòng không để ô uế nhục thể người anh hùng, kẻ cả phải đánh đổi bằng sinh mạng.

2.7.2. Motif Nhân vật được chôn cất: nét nhấn quan trọng trong truyền thuyết về những anh hùng buổi đầu kháng Pháp ở Nam Bộ. Qua hình tượng ngôi mộ, cuộc đời, sự nghiệp người anh hùng xem như khép lại. Thế nhưng, đó là những ngôi mộ thiêng. Bởi lẽ, trong tình cảm của nhân dân, họ chính là những bậc “sanh vi tướng, tử vi thần”.

2.7.3. Motif Nhân vật được cúng giỗ và motif Nhân vật được thờ trong miếu, đền, đình, chùa: motif cho thấy, các anh hùng chống Pháp, đối với nhân dân, chính là người thân trong gia đình nên hàng năm phải cúng giỗ; đồng thời lại là một dạng phúc thần, phải được thờ nơi trang trọng nhất, trong thế giới tâm linh.

2.7.4. Motif Đời sau nhắc nhở: không chỉ những anh hùng tên tuổi, bao người dân hy sinh lặng lẽ cũng được đời sau tưởng nhớ. Motif này luôn xuất hiện ở phần kết truyện. Có thể xem, đó là đoạn kết có hậu nhất mà nhân dân dành cho các anh hùng chống Pháp.

2.7.5. Motif Đất linh, mộ thiêng: tuy chưa thể phù trợ đời sau làm nên đại nghiệp nhưng vong linh các vị tiền bối vẫn là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho nhân dân. Sự hiển linh trừng phạt kẻ thù chứng tỏ hồn thiêng sông núi vẫn âm thầm phù trợ cháu con trên mọi nẻo đường đánh giặc.

2.7.6. Motif Hiên linh, báo mộng: có thể xem là minh chứng cho sự gắn gũi tình cảm giữa người dân Nam Bộ và các anh hùng chống Pháp. Các vị quả “sanh vi tướng, tử vi thần”, xưa là tướng của nhân dân thì nay thành thần, cũng của nhân dân.

3. Nhân xét chung

3.1. Để khảo sát truyền thuyết dân gian, người nghiên cứu có thể sử dụng khái niệm motif làm công cụ. Motif trong truyền thuyết cũng cần được xem là một thứ mã văn hóa, đòi hỏi được giải mã trên cơ sở nguồn tri thức về văn hóa, lịch sử, xã hội.

3.2. Motif trong truyền thuyết không tồn tại riêng lẻ. Chúng dễ kết dính với nhau thành chuỗi motif, nhóm motif. Riêng Hệ thống truyền thuyết dân gian có 25 motif đặc sắc, được quy thành 6 nhóm motif. Mỗi nhóm motif đều có một motif trung tâm. Phần lớn motif trong đó là sự kế thừa vẻ đẹp, ý nghĩa của các motif trong truyền thuyết giai đoạn trước. Tuy nhiên, có những motif là sản phẩm riêng, đầy mới mẻ của truyền thuyết dân gian Nam Bộ. Những motif này là minh chứng cho sự hiện hữu và sức sống của truyền thuyết dân gian ở giai đoạn sau, trên vùng đất mới phương Nam.

3.3. Từ hệ thống motif vừa khảo sát, đặc biệt qua chuỗi motif trung tâm của từng nhóm, đã lộ diện phần nội dung cốt lõi của truyền thuyết lịch sử muộn, giai đoạn từ sau 1858 ở Nam Bộ. Có thể hình dung kết cấu truyền thuyết về những anh hùng buổi đầu chống Pháp ở Nam Bộ:

*Nhân vật có biệt tài → lập mưu, lừa giặc → bất ngờ gặp rủi ro
→ bị dụ hàng → bị hành quyết → được chôn cất, phụng thờ*

CHƯƠNG 4

KHẢO SÁT MỘT SỐ CHỨNG TÍCH VĂN HÓA LIÊN QUAN ĐẾN TRUYỀN THUYẾT DÂN GIAN VỀ NHỮNG CUỘC KHỞI NGHĨA CHỐNG PHÁP Ở NAM BỘ (1858 – 1918)

1. Quan hệ giữa truyền thuyết và chứng tích văn hóa

Truyền thuyết dân gian tồn tại không chỉ trong văn bản kể, mà còn trong những chứng tích văn hóa sống động. Mặt khác, những chứng tích này cũng tô đậm thêm một đặc điểm của truyền thuyết: khi kể và nghe truyền thuyết, ai cũng tin đó là điều có thật. Những chứng tích còn lại với thời gian chính là “chỉ số” sinh động và thuyết phục về những “điều có thật” đó.

Có thể nói, trong folklore, không một thể loại nào có mối quan hệ chặt chẽ với các chứng tích văn hóa như truyền thuyết. Truyền thuyết góp phần tạo dựng và lưu truyền, làm sống động, linh thiêng chứng tích văn hóa; ngược lại, chứng tích văn hóa góp phần lưu giữ, làm sống động, tăng thêm yếu tố có thật cũng như tăng thêm phần “thơ và mộng” cho truyền thuyết.

2. Những chứng tích văn hóa liên quan đến các cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ, giai đoạn 1858-1918 :

Trong khuôn khổ luận án, chúng tôi đề cập tới một số chứng tích văn hóa có liên quan đến hệ thống truyền thuyết đang khảo sát: Chứng tích địa danh; Chứng tích lăng mộ; Chứng tích miếu, đền, đình, chùa; Chứng tích lễ hội.

2.1. Chứng tích địa danh

2.1.1. Chứng tích tiêu biểu

Chứng tích lần lượt liên quan đến các cuộc khởi nghĩa của Trương Định, Thiên Hộ Dương, vùng Thất Sơn và nhiều cuộc khởi nghĩa khác: Đám lá tối trời, Ao Vinh, Rạch Ông Voi, Rạch Bà Bướm, Vàm Bà Bầy, Tháp Mười, Khu Mã Lớn, Trường án Cần Lố (Doi Me), Kênh Ông, Hồ Bà, Vàm Hồ Cự, Vũng Liêm (Vũng Linh)...

2.1.2. Ý nghĩa chứng tích địa danh liên quan đến Hệ thống truyền thuyết dân gian

- Chứng tích địa danh có thể quy về 3 nhóm: đất lưu danh, đất ghi tội ác, đất hiềm.
- Chứng tích địa danh tái hiện sinh động vùng sông nước phương Nam: bao kênh rạch (rạch Ông Voi, rạch Bà Bướm, kênh Ông), lùm vàm sông (vàm Bà Bầy, vàm Hồ Cự), nhiều doi đất, vùng trũng sinh lầy (Doi Me, Vũng Liêm, Đám lá tối trời)...
- Chứng tích địa danh hình thành từ ký ức của nhân dân. Hầu hết địa danh đã xuất hiện trước khi truyền thuyết ra đời. Sau khi sự kiện lịch sử xảy ra, các địa danh này

được mang tên gọi mới, ghi dấu các sự kiện lịch sử và đi vào truyền thuyết, trở thành đất thiêng.

2.2. Chứng tích mộ, lăng mộ

2.2.1. Một số chứng tích tiêu biểu: lăng mộ Trương Định, lăng mộ Thủ Khoa Huân, lăng Tứ Kiệt, mộ Trịnh Viết Bằng, mộ Phòng Biều, mộ Đốc Binh Kiều, mộ Lãnh binh Nguyễn Văn Cẩn, mộ Trương Tấn Minh, mộ Nguyễn Trung Trực, mộ Lâm Quang Ky, mộ Bà Điều, mộ Nguyễn Ngọc Thăng, mộ Phan Văn Đạt, mộ Phan Công Hớn...

2.2.2. Ý nghĩa chứng tích mộ, lăng mộ

Mang tâm thức chung của người Việt, người dân Nam Bộ hết sức tôn thờ, gìn giữ phần mộ của người quá cố. Quan niệm “*sống cái nhà, thác cái mồ*” khiến họ đặc biệt coi trọng nghi thức tang lễ và nơi lập mộ.

Tuy nhiên, người dân Nam Bộ không nhất nhất tuân theo quan niệm, quy chế thờ tự của triều đình phong kiến. Biết bao anh hùng nằm xuống nơi doi đất, đồng hoang (nào phải long mạch, hàm rồng), thế mà, nhân dân vẫn xem đó là chốn linh thiêng. Có những anh hùng bị hành quyết, kẻ thù cấm chôn cất thi hài nhưng nhân dân vẫn bí mật an táng và xây mộ, được bao thế hệ tôn thờ, gìn giữ.

Ngôi mộ, với người còn sống, chính là điểm tựa tinh thần, là biểu tượng cụ thể, sống động cho niềm tự hào, lòng biết ơn đối với những anh hùng đã hi sinh. Với kẻ thù, đó lại là nỗi ám ảnh, nỗi khiếp sợ triền miên về sự bất tử của những người yêu nước. Đưa hình ảnh ngôi mộ anh hùng vào truyền thuyết, quần chúng nhân dân như muốn thể hiện tinh thần kiên định, một dạ trung thành với lãnh tụ kháng chiến. Đồng thời, đó cũng thể hiện niềm tin vào sự phù trợ của các bậc “*sanh vi tướng, tử vi thần*”.

2.3. Chứng tích miếu, đền, đình, chùa

2.3.1. Một số chứng tích tiêu biểu: Tứ Kiệt cỏ miếu, miếu thờ Đỗ Tường Tự, đền thờ Thiên Hộ Dương và Đốc Binh Kiều, đền thờ Thủ Khoa Huân, đền thờ Thống Linh, đền và đình thờ Nguyễn Trung Trực, đình thờ Trương Định, đình thờ Lãnh binh Nguyễn Ngọc Thăng, đình thờ linh vị Bà Điều, chùa thờ linh vị Thiên Hộ Dương, Đốc Binh Kiều...

2.3.2. Ý nghĩa chứng tích miếu, đền, đình, chùa: chứng tích đã khẳng định thêm lòng yêu thương và biết ơn sâu sắc của nhân dân đối với những anh hùng dân tộc. Mặt khác, nó thể hiện cái nhìn phóng khoáng, thực tế của người dân Nam Bộ về tôn giáo và tín ngưỡng: chỉ những tôn giáo nào biết quan tâm đến sự sống còn của nhân dân, biết chống lại kẻ thù cướp nước và bán nước thì mới tồn tại được trong đời sống tinh thần của nhân dân.

2.4. Chứng tích Lễ hội

2.4.1. Một số Chứng tích Lễ hội tiêu biểu: lễ giỗ Trương Định ở Gò Công (Tiền Giang), lễ giỗ Thiên Hộ Dương và Đốc Binh Kiều ở Gò Tháp (Đồng Tháp), lễ giỗ

Nguyễn Trung Trực ở Rạch Giá (Kiên Giang), lễ giỗ Thủ Khoa Huân ở Mỹ Tho và Chợ Gạo (Tiền Giang).

2.4.2. Ý nghĩa chứng tích lễ hội

- Nội dung lễ hội dựa vào phần lớn nội dung truyền thuyết dân gian. Nó minh chứng cho mối quan hệ mật thiết giữa truyền thuyết dân gian và lễ hội mà điểm gặp gỡ là ý nghĩa nhận thức và giáo dục.

- Các lễ hội là sản phẩm hòa quyện giữa lịch sử và văn hóa, giữa văn hóa và tín ngưỡng. Trong lễ hội, phần đời sống tâm linh của nhân dân được bồi tụ, lưu truyền phần lớn từ sự kiện và nhân vật lịch sử, từ không gian thiêng, thời gian thiêng mà truyền thuyết hằng lưu giữ.

- Qua lễ hội, hình ảnh những anh hùng dân tộc càng thêm thiêng liêng mà cũng vô cùng gần gũi. Thiêng liêng vì những anh hùng kháng Pháp là những bậc “*sanh vi tướng, tử vi thần*”. Nhưng gần gũi vì các vị đã trở thành một phần tín ngưỡng dân gian.

3. Nhân xét chung

3.1. Chứng tích văn hóa là thành tố không thể thiếu trong sự vận động và lưu truyền của truyền thuyết. Sự hiện hữu của chúng trong đời sống vật chất, tinh thần quần chúng nhân dân là minh chứng cho sự tồn tại, sức sống của truyền thuyết dân gian.

3.2. Chứng tích văn hóa liên quan đến các cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ khá đa dạng. Chứng tích địa danh mang vẻ đẹp riêng của phong thổ phương Nam, kết tụ hào khí của một thời những người con Nam Bộ rũ bùn đứng dậy, chống lệnh vua, đánh giặc. Chứng tích lăng mộ là một cách bày tỏ tinh thần kiên định, một dạ trung thành của nhân dân với lãnh tụ kháng chiến. Đồng thời, đó cũng là cách thể hiện niềm tin vào sự phù trợ của các bậc “*sanh vi tướng, tử vi thần*”. Chứng tích miếu, đền, đình, chùa khảm định thêm tình cảm yêu thương, lòng biết ơn sâu sắc của quần chúng nhân dân đối với các anh hùng dân tộc. Mặt khác, nó thể hiện cái nhìn phóng khoáng, đầy thực tế của người dân Nam Bộ về vấn đề tôn giáo và tín ngưỡng. Chứng tích lễ hội là sản phẩm hòa quyện giữa lịch sử và văn hóa, giữa truyền thống và hiện đại, giữa không gian thiêng và cuộc sống đời thường.

KẾT LUẬN

1. Trong kho tàng folklore Việt Nam, truyền thuyết là thể loại lớn, số lượng tác phẩm rất phong phú, nội dung rất đa dạng. Những giai đoạn, sự kiện, nhân vật lịch sử có ý nghĩa luôn được truyền thuyết phản ánh. Thể loại truyền thuyết vẫn còn tiếp tục hình thành và phát triển ở giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX. Trong các thể loại tự sự dân gian, nếu như thần thoại như một thể loại đã không còn tồn tại ở các giai đoạn sau, nếu như cổ tích bắt đầu tìm không gian sống trong văn học viết, thì truyền thuyết vẫn còn giữ được sứ mệnh của nó: là bộ sử dân gian; nơi thể hiện quan niệm, cách nhìn, cách đánh giá của nhân dân về các sự kiện, nhân vật lịch sử ở các giai đoạn lịch sử tiếp

theo. Chính vì thế, theo bước đường mở cõi và giữ nước của cha ông, những trang lịch sử mới của dân tộc đã được viết tiếp. Truyền thuyết vừa mang đậm tính dân tộc, vừa mang đậm tính địa phương. Truyền thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ thể hiện rất rõ điều đó. Song hành với chính sử, bổ sung cho chính sử và khác chính sử, truyền thuyết dân gian Nam Bộ đã kịp lưu giữ, theo cách của mình, tất cả nhân vật và sự kiện làm nên lịch sử vùng đất mới. Nó dự phần khắc sâu thêm những phẩm chất truyền thống của con người Việt Nam đồng thời trực tiếp vẽ nên những tính cách riêng, phẩm chất mới của con người Nam Bộ.

2. Trong luận án này, chúng tôi đã sưu tầm, biên soạn lại và bước đầu hệ thống hóa toàn bộ các truyền thuyết về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ giai đoạn 1858-1918. Chúng tôi đã sưu tầm, biên soạn lại được 101 truyền thuyết và phân thành 6 nhóm truyện, dựa theo các cuộc khởi nghĩa lớn ở Nam Bộ (Trương Định, Thiên Hộ Dương, Nguyễn Trung Trực, Thủ Khoa Huân, vùng Thất Sơn). Những truyền thuyết còn lại, dựa theo địa điểm xảy ra cuộc khởi nghĩa, được xếp vào Nhóm truyền thuyết về những cuộc khởi nghĩa khác (bao gồm các truyện ở miền Đông Nam Bộ, các truyện ở miền Tây Nam Bộ). Các tác phẩm truyền thuyết luôn tồn tại trong hệ thống. Các nhóm trong hệ thống phân loại trên có khả năng thu nhận bất cứ truyền thuyết nào (thỏa điều kiện) được tiếp tục sưu tầm và phát hiện sau này. Hệ thống truyện và phân loại này có thể dự phần vào kế hoạch sưu tầm, hệ thống hóa toàn bộ kho tàng truyền thuyết dân gian ở Việt Nam.

3. Qua Hệ thống truyền thuyết dân gian nói trên, quá khứ “*đầy khổ nhục nhưng vĩ đại*” của cha ông trên mảnh đất “*Nam Bộ thành đồng*” phần nào được thể hiện. Trong mỗi nhóm truyện, các truyền thuyết đều lấy nhân vật và sự kiện lịch sử làm nội dung cốt lõi và xuyên suốt. Ở đó, các anh hùng kháng Pháp (lãnh tụ và bộ tướng) được khắc họa thành những hình tượng nghệ thuật sinh động và rõ nét. Đồng thời, tính chất, qui mô từng cuộc khởi nghĩa cũng được tái hiện và đánh giá theo quan điểm của nhân dân. Từ đây, đề tài đã bước đầu so sánh sự đánh giá của chính sử phong kiến và của nhân dân, thông qua truyền thuyết dân gian về những sự kiện và nhân vật lịch sử. Nhiều anh hùng kháng Pháp ở Nam Bộ chưa từng được chính sử ghi nhận hoặc chưa được đánh giá đúng mức nhưng lại được truyền thuyết ngợi ca (Thiên Hộ Dương, Nguyễn Trung Trực, Ông Phòng Biểu, Tứ Kiệt, Phan Công Hớn, Trần Văn Thành, Bôn sư Ngô Lợi, Nguyễn Hương...). Có điều, lịch sử trong truyền thuyết không phải y hệt như sự thật lịch sử. Đây là lịch sử đã được nhào nặn, tái tạo lại qua tình cảm, qua hư cấu tượng tượng của nhân dân.

4. Mỗi tác phẩm trong Hệ thống truyền thuyết dân gian đều thấm đượm tinh thần dân tộc, ca ngợi lòng yêu nước nồng nàn, sự thông minh, sáng tạo của người dân Nam Bộ nói riêng, người dân Việt Nam nói chung trong quá trình kháng chiến chống thực dân xâm lược. Đây là minh chứng cho sức sống và sự tồn tại độc lập của thể loại truyền thuyết so với chính sử phong kiến.

5. So với truyền thuyết các giai đoạn trước, trong truyền thuyết giai đoạn 1858-1918, phân hư cấu, tưởng tượng không được đậm đặc bằng. Không ít tác phẩm có cốt truyện còn sơ lược; tình tiết đơn giản, thiếu hẳn chất “thơ và mộng”. Điều đó cũng dễ hiểu, bởi khoảng cách thời gian từ 1858-1918 đến nay chưa xa .

6. Trên cơ sở lý thuyết về motif, đề tài đã khảo sát, hệ thống hóa và miêu tả 25 motif tiêu biểu, theo 6 nhóm motif, từ hệ thống truyện nói trên. Đề tài cũng so sánh các motif trong truyền thuyết những giai đoạn khác nhau, chỉ ra mối liên hệ giữa các motif và nhóm motif. Hệ thống motif trong các truyền thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ khá phong phú và độc đáo. Phần lớn các motif này đều thể hiện sự kế thừa hình thức, nội dung, ý nghĩa của các motif trong truyền thuyết Việt Nam những giai đoạn trước. Tuy nhiên, những motif này trong văn cảnh các truyền thuyết về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ giai đoạn 1858-1918 lại có màu sắc riêng gắn với từng cuộc khởi nghĩa, từng nhân vật lịch sử. Có một số motif là sản phẩm riêng, đầy mới mẻ của truyền thuyết dân gian Nam Bộ. Những motif này là minh chứng cho sự thống nhất và đa dạng của truyền thuyết Việt Nam, sức sống của truyền thuyết dân gian ở giai đoạn sau trên vùng đất mới phương Nam.

7. Để hình dung trọn vẹn sự vận động và sức sống của thể loại truyền thuyết dân gian, luận án đặt các truyền thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ trong mối quan hệ với các chứng tích văn hóa tại địa phương. Chứng tích văn hóa (chứng tích địa danh; chứng tích lăng mộ; miếu, đình, đền thờ; lễ hội) là một thành tố gắn liền với nội dung, sự vận động và tồn tại của truyền thuyết. Ở đó, truyền thuyết là động lực hình thành, là cơ sở lý giải chứng tích văn hóa; ngược lại chứng tích văn hóa là sự minh chứng, là không gian nuôi giữ sức sống, cái thiêng cho truyền thuyết. Các chứng tích văn hóa này cũng góp phần tô đậm tính thống nhất dân tộc và tính địa phương của hệ thống truyền thuyết được nghiên cứu.

8. Từ kết quả của đề tài, chúng tôi xác định một số công việc cần tiếp tục thực hiện như sau:

- Sớm công bố Hệ thống truyền thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ giai đoạn 1858-1918 vừa được sưu tầm, biên soạn .
- Tiếp tục sưu tầm, biên soạn để bổ sung tác phẩm cho từng nhóm truyện trong hệ thống. Tiếp tục khám phá chiều sâu nội dung của các nhóm truyện, tăng cường đối sánh với sử liệu để hiểu sâu hơn thái độ, cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử.
- Tiếp tục khảo sát thêm vẻ đẹp đặc sắc của từng nhóm, mảng truyện dưới góc độ thi pháp học: thời gian, không gian nghệ thuật, kiểu kết cấu, hình tượng nhân vật...
- Tiếp tục bổ sung những chứng tích văn hóa có liên hệ với truyền thuyết dân gian trong hệ thống; đồng thời đi sâu mô tả, tái hiện quá trình hình thành các chứng tích văn hóa tìm được; xem xét mức độ ảnh hưởng của chúng đối với đời sống tinh thần người dân Nam Bộ.

- Mở rộng phạm vi đề tài nghiên cứu những truyền thuyết dân gian về các cuộc khởi nghĩa chống Pháp theo các hướng: thời gian (từ 1858 đến 1945), không gian (cả Bắc – Trung – Nam).

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH
CỦA NGHIÊN CỨU SINH VÕ PHÚC CHÂU**
Ngành VĂN HỌC VIỆT NAM
(Mã số: 62 22 34 01)

A. BÀI BÁO KHOA HỌC

1. “Truyền thuyết dân gian về cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ (1858 – 1918)”, *Bình luận Văn học - Niên giám 2004*, NXB ĐHQG TP.HCM, 2004, tr.254. (Bài viết này có chỉnh sửa, bổ sung và được đăng lại trong *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Trường ĐHSP TP.HCM, 2004, số 3, tr.94)
2. “Bước đầu phân biệt truyền thuyết và giai thoại”, *Bình luận Văn học – Niên giám 2005*, NXB Văn Hóa Sài Gòn & Hội nghiên cứu – Giảng dạy Văn học TP.HCM, 2005, tr.95. (Bài viết này có chỉnh sửa, bổ sung và được đăng lại trong *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Trường ĐHSP TP.HCM, 2009, số 17, tr.11)
3. “Thử phân biệt truyền thuyết và lịch sử”, *Bình luận Văn học – Niên giám 2006*, NXB Văn Hóa Sài Gòn & Hội nghiên cứu – Giảng dạy Văn học TP.HCM, 2006.
4. “Tìm hiểu thêm về mối quan hệ giữa truyền thuyết và cổ tích”, *Tạp chí Khoa học – Công nghệ - trường Đại học Tiền Giang*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, số tháng 4/2009.

B. BÀI VIẾT LIÊN QUAN

1. “Tư liệu mới về Thủ Khoa Huân”, *Văn Nghệ Tiền Giang*, số 7, tr.73.
2. “Xin tiếp tục bảo tồn di tích lịch sử–văn hóa”, *Áp Bắc*, số 1508/2003, tr.5.
3. “Truyền thuyết dân gian về cuộc khởi nghĩa của Thủ Khoa Huân”, *Văn Nghệ Tiền Giang*, số 15/2005, tr.61.
4. “Truyền thuyết dân gian về Tứ Kiệt”, *Văn Nghệ Tiền Giang - Xuân Bính Tuất*, số 17/2006, tr.62.
5. “Một ngày với thị xã Cao Lãnh”, *Văn Nghệ Đồng Tháp*, số 6/2006, tr.1.
6. “Nghĩ mà buồn cho người xưa”, *Văn Nghệ Đồng Tháp*, số 7/2006, tr.1.
7. “Đường về Gò Tháp”, *Báo Văn Nghệ Đồng Tháp*, số 9&10/2006, tr.15.
8. “Tưởng nhớ người xưa”, *Văn Nghệ Đồng Tháp*, số 13/2006, tr.3.
9. “Truyền thuyết dân gian về cuộc khởi nghĩa của Thiên Hộ Dương”, *Văn Nghệ Đồng Tháp*, số 18 (358)/2007, tr.3.
10. “Truyền thuyết dân gian về cuộc khởi nghĩa của Trương Định”, *Văn Nghệ Tiền Giang*, số 29/2008, tr.42.
